

UNIT 4:**ETHNIC GROUPS OF VIETNAM****SKILLS 2+ LOOKING BACK****I/ NEW WORDS:****SKILLS 2**

1. weave clothing
2. go up
3. go down
4. stay the same
5. gather
6. pass on
7. legend

LOOKING BACK

1. odd number
2. worship
3. remote area

SKILLS 2

- (v) : dệt vải
(v): đi lên
(v): đi xuống
(v): giữ bình thường
(v): tụ họp
(v): truyền lại, để lại
(n): truyền thuyết

LOOKING BACK

- (n) : số lẻ
(n-v): nghi lễ (thờ cúng)
(n): vùng xa xôi